Ý Nghiã Những Hình Vẽ Trên Bề Mặt Trống Đồng Ngọc Lũ

Lê Văn Siêu

Bài từ Tủ sách Khoa học VLOS.

Lần sửa cuối: 20:58, 9/9/2010, bởi Lê ngọc Minh

Tìm hiểu ý nghĩa những hình vẽ trên mặt trống đồng Ngọc Lũ

(Việt Nam Văn Minh Sử - Lê Văn Siêu)

Lời nói đầu :

Theo sự phân loại của Hê-gơ, và bản tổng kê của các nhà khảo cổ tại miền Bắc, trong sách Thời Đại Đồng Thau, những trống đồng loại 1 phát hiện ở Việt Nam khoảng trên 70 chiếc. Số lượng tìm thấy đã hơn bất cứ một miền nào khác. Mặc dầu tướng Mã Viện đời Đông Hán khi qua đánh Giao Chỉ, đã tịch thu không biết bao nhiêu trống nữa, để đúc con ngựa kiểu mà chơi, và đúc cái cột đồng khắc chữ "Đồng Trụ chiết Giao Chỉ diệt".

Những trống loại 1 đã thấy khá nhiều tại Thanh Hoá để có thể đoán chắc rằng Thanh Hoá là nơi sản xuất và những trống cùng loại thấy ở các nơi khác (Hà Đông, Hà Nam, Hà Nội, Hải Phòng, Hoà Bình, Cao Bằng, Lào Cai, Sơn Tây, Bắc Ninh, Hải Dương, Nam Định, Nghệ An) là những trống được kịp thời giấu đi. Đó là những trống có thể đoán được là của các tù trưởng đã thuê lò Thanh Hoá đúc. Đó là những vật biểu tượng quyền uy của tù trưởng.

The Dong Son bronze drums

Trong những di vật quý giá này , trống thuộc loại vừa kể, thuộc loại đẹp nhất, vẫn là trống tìm thấy năm 1902 ở Ngọc Lũ (tỉnh Hà Nam) hiện để tại viện bảo tàng lịch sử ở Hà Nội.

Các nhà khảo cổ có tinh thần khoa học mới, khi nghiên cứu về những di vật ấy chắc sẽ hứa hẹn nhiều khám phá về kỹ thuật, niên đại, tương quan tạo tác, tương quan sản xuất, xã hội, cả về trình độ tiến hoá mỹ thuật của dân tộc.

Chúng tôi nghiên cứu lịch sử, không bị ước thức bởi những mô thức, nên tự thấy được rộng tay đóng góp một phần tìm tòi thuộc về nội dung những hình vẽ. Tất nhiên không thiếu gì nhà khoa học mới mỉm cười cho là tưởng tượng, nhưng tìm hiểu ý nghĩa của một hình vẽ củ không có lời chú giải của tác giả bên cạnh, mà chẳng dùng tưởng tượng thì dùng cái gì ? Người ta đã tưởng tượng đây là bộ lạc thờ thần mặt trời, mặt trăng, hay thờ chim vật tổ. Nhưng có tinh thần khoa học nào cấm người khác không được có tưởng tượng khác, nhất là khi tưởng tượng này có thể hữu lý, dễ đúng hơn ? Huống chi chúng tôi có ở đây khá đủ những căn cứ của nền cổ học phương Đông mà dường như nhiều nhà khoa học mới vì lẽ nào đó không để ý tới khiến sự nhìn vào di

sản văn hoá cũ ở Đông phương, mà thuần bằng con mắt Tây phương, thì có thể sẽ quên những khía cạnh quan trọng ở nột dung chăng ?

Chính vì ngại chuyện ấy mà chúng tôi có bản viết này, riêng đề cập tới hình vẽ trên mặt trống đồng Ngọc Lũ, ước mong cho rằng nó sẽ là chìa khoá để mở nhiều những kho tàng khác có thể có trên những mặt trống khác. Chúng tôi không nói tới hình vẽ ở tang trống vì nó có giá trị trang trí nhiều hơn là thực tiễn.

Trống đồng Ngọc Lũ

Kể từ ngày cái trống này được moi ra khỏi chổ chôn giấu đến nay, những hình vẽ trên mặt trồng vẫn là một thách đố đối với các nhà khảo cổ học, cũng như với nhân dân Việt Nam muốn tìm hiểu nó định nói cái gì ?

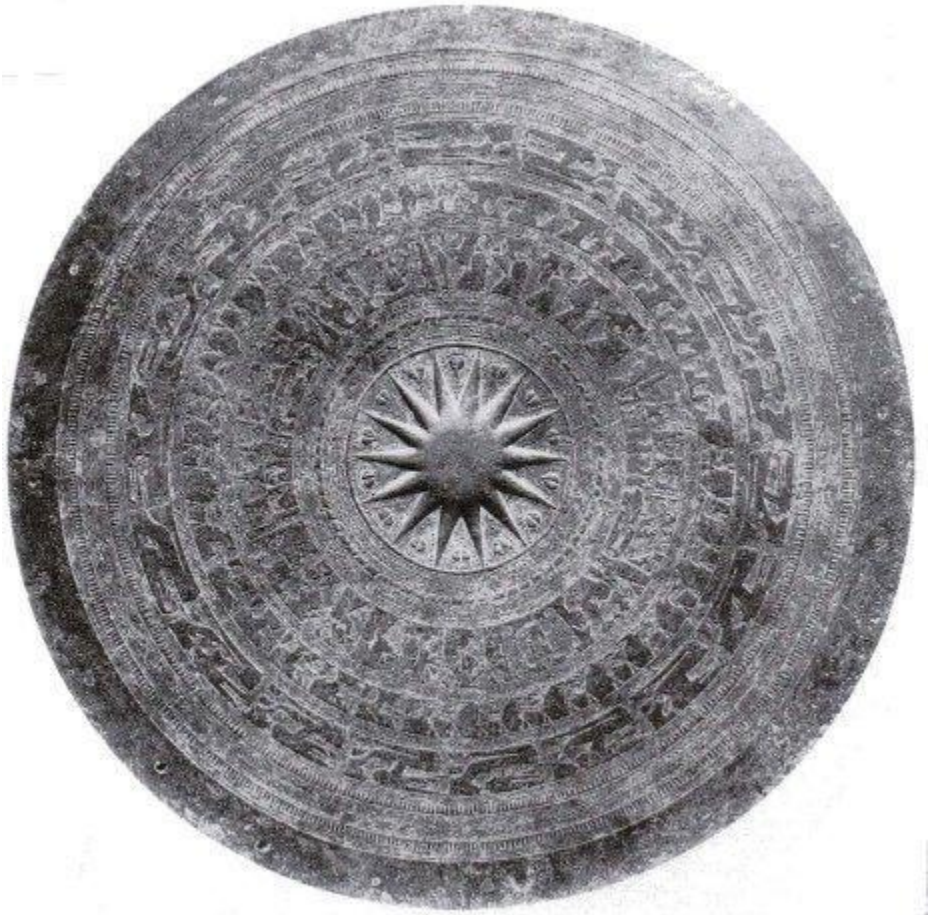

Trống Ngọc Lũ

Chúng tôi rất kính phục và cảm ơn các nhà khảo cổ Tây phương nhất là ở trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp, để rất nhiều năm tháng và tâm tư cùng đem những sử học, mày mò, khảo sát, suy luận

và giả thiết. Các vị ấy đã viết nên cả những bộ sách lớn khiến trống đồng trở thành một vật nổi tiếng trên Thế Giới. Nhờ các vị mà rất đông những nhà học giả của nước chúng tôi khi đề cập đến di sản văn hoá này cũng đã khiến được cho quần chúng bình dân biết đại khái rằng ngày xưa các bộ lạc của tổ tiên mình thờ vật tổ là con chinh tên là Lạc, thờ thần mặt trời (vì hình vẽ ở trung tâm mặt trời loé ra nhiều tia sáng),lại có những hình người đội mũ cánh chim, mặc áo xòe ra như lông cánh chim, rồi có cả mắt chim ở đầu mũi thuyền, đầu mũi tên, trên mái chèo, bánh lái thuyền, …

Nhiều vị xác quyết rằng bộ lạc cổ xưa này sau đó di cư đến các hải đảo Thái Bình Dương, nên có liên hệ bà con với bộ lạc Dayak ở Bornéo, còn có hình thuyền giống như trên trống dùng vào dịp tang lễ. Nhiều vị khác còn thêm tại miền Bắc có bộ lạc hay hoá trang cái đầu thành đầu chim trong lễ nghi cúng kiếng theo điệu trống đồng.

Trống vốn không biết nói, cũng không biết thế nào mà dám cãi. Thôi thà tuỳ người ta nhớ được một tiền tích nào ở đâu thì sẵn ghép cho nó những nội dung khác nhau. Ra sao nó cũng phải chịu.

Chúng tôi chỉ trộm nghĩ rằng, trống đồng xưa chỉ tù trưởng mới được phép có, nó như một ấn ngọc tỷ, biểu tượng uy quyền của vị Hoàng Đế, người ta chả nên lầm mà hiểu nó như một sản phẩm công nghệ để trao đổi trong phiên chợ, và hiểu những hình vẽ là để cho vui mắt người mua dùng.

Việc cần là tìm cái ý tiên khởi của người xưa gởi gắm vào hình vẽ và nếu có thể được thì tìm hiểu xem **hình vẽ đó để làm gì ?**

Tạm coi là hình mặt trời ở giữa mặt trống, nhưng sao lại **14** tia sáng mà không hơn, không kém ?

Sao lại chỉ có **18** con chim ?

Sao lại có **6** con gà, **10** con hươu ? Rồi **8** con gà **10** con hươu nữa ?

Nếu làm cho đẹp sao không làm đều nhau ?

Có lẽ chăng đây là cái trống của người tù trưởng quản lãnh 14 vị tù trưởng nhỏ khác mà tiếng trống đánh lên thì 14 nơi kia đều phải nghe ?

Hoặc đây là một đám rước và người ta hoá trang chăng ? Nhưng đâu là đầu, đâu là cuối đám rước ? Và sao lại có người giã gạo ? Người ngồi nhà sàn ?

Tài ba và nhiệm vụ của tù trưởng

Một tù trưởng hẳn phải có nhiều đám dân đến hỏi những việc thuộc đời sống hằng ngày của họ. Ông phải có hiểu biết gì hơn họ và chỉ bảo họ ra sao ?

Chẳng hạn, có đám hỏi đêm nay có thể đi săn được không ?

Liệu có trăng không ? Trăng lên vào chặp tối hay gần sáng ?

Ngày mai nước có lên không ? Có thể cho thuyền ra khơi đánh cá được không ?

Mùa này nên ở nhà hay đi hái trái ?

Đã nên giả gạo để ủ làm rượu dùng vào ngày lễ nào đó chưa ?

……

Ông tù trưởng phải có nhiệm vụ biết ngày giờ, sáng tối, trăng tròn trăng khuyết, tiết trời nóng lạnh, mưa gió, con nước, tình hình muôn thú, cũng như những dịp lễ lạt phải chuẩn bị trước. **Sự tích lũy kinh nghiệm của nhiều đời tù trưởng đã phải được ghi lại**, cũng như phải có gì để mà ghi lại, để mà làm việc và hướng dẫn quần chúng.

Một quyển lịch cổ xưa

Vì các lý lẽ trên, vị tù trưởng phải có một quyển lịch năm, tính theo tuần trăng, theo mùa màng khí tiết, đặt ngay cạnh mình, để dân hỏi gì là tra ngay ra được câu trả lời.

Lịch ấy vạch trên đồ đất nung thì dễ vỡ, dễ mòn, không truyền được nhiều đời. Vạch trên mặt trống đồng thì thật là tiện, gọn, đúng với vật biểu tượng uy quyền của mình cùng cả dòng tù trưởng.

Vậy những hình vẽ trên mặt trống đồng Ngọc Lũ là một quyển Âm Lịch, có tháng đủ, tháng thiếu, có đêm trăng tròn, trăng khuyết, hay không có trăng, lại có cả năm nhuận và chu kỳ 18 năm để tính tháng dư, cũng như có những chỉ vạch về 4 mùa trong năm.

Nếu vậy thì không những không có gì là mê tính (thờ chim, vật tổ mặt trời, mặt trăng, ca vũ để cầu thần linh,…) mà có vẻ như người xưa còn có tinh thần thực tế, hợp lý, khoa học, chính xác, chưa biết chừng người đời nay còn phải giật mình là đằng khác nữa.

Cách đếm ngày và đêm

Năm âm lịch theo kinh nghiệm nhiều đời nghiên cứu mặt trăng, vẫn được tính là 354 ngày (dương lịch tính 365 ngày) chia ra cho 12 tháng, thì mỗi tháng 29 ngày gọi là tháng thiếu và có dư 6 ngày để thêm vào cho 6 tháng khác gọi là tháng đủ.

Vậy một năm âm lịch có 6 tháng 29 ngày và 6 tháng 30 ngày.

Cứ năm năm lại có hai năm mỗi năm dư 1 tháng, gọi là năm dư tháng nhuận.

Và cứ sau năm thứ 18, qua năm thứ 19 gọi là 1 chương thì lại không tính là năm dư, chỉ có 12 tháng thôi, kể như là năm thường vậy.

Do đó, vòng hình vẽ **18 con chim** mỏ dài cánh lớn ở ngoài cùng là hình vẽ một chu kỳ 18 năm, mỗi con chim ấy là 1 năm.

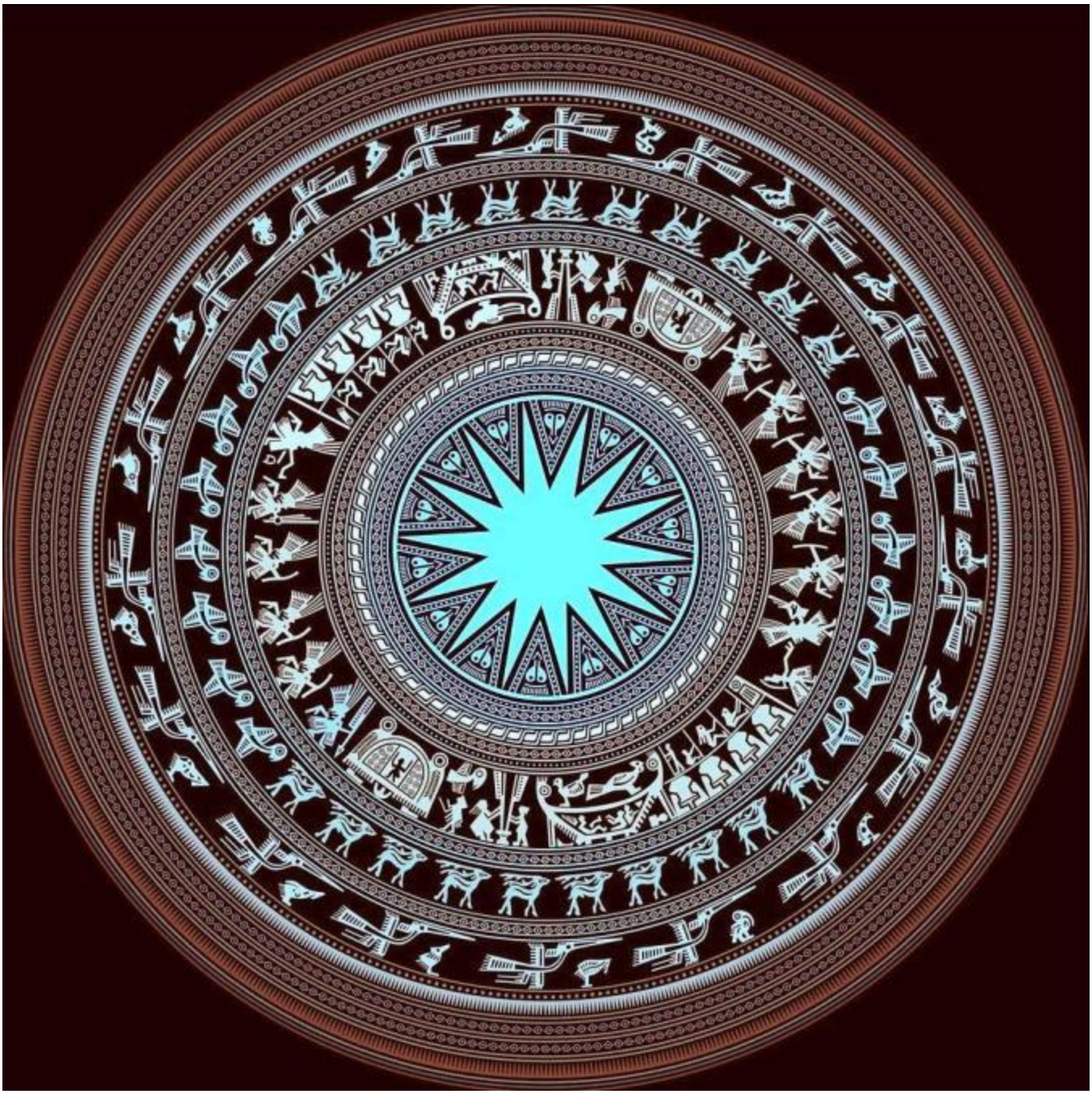

Vòng hình vẽ thứ nhất ở trong cùng gần trung tâm có 6 người trang phục kỳ dị mỗi bên vòng tròn đối nhau, đã không phải người Giao Chỉ ăn bận như thế, mà đó là những vị thần cai quản mỗi vị 1 tháng, trong 6 tháng đầu ở 1 bên và 6 tháng cuối mỗi năm. Thêm có một hình người thấp bé hơn cạnh 6 người ở một bên, đó là để ghi tháng nhuận của năm dư.

Vòng hình vẽ thứ nhì ở giữa, có 6 con gà, 10 con hươu, rồi lại 8 con gà, 10 con hươu, ấy là hình vẽ những con vật tương trưng. **Gà chỉ đi ăn vào ban ngày, Hươu đi ăn vào đêm trăng sáng**. Có 6 đêm vào đầu tháng từ 1 đến 6 không trăng; và 8 đêm vào cuối tháng từ 22 đến 30 cũng

không trăng. Những đêm ấy không đi săn thú được. Và sau đó, khi có trăng thì có thể tổ chức đi săn đêm.

Theo kinh nghiệm cũ truyền mãi tới ngày nay, có 6 đêm đầu tháng không trăng, người ta tính :

Mồng 1 lưỡi trâu - Mồng 2 lưỡi gà - Mồng 3 lưỡi liềm - Mồng 4 câu liêm - Mồng 5 liềm vật - Mồng 6 phạt cỏ - Mồng 7 tỏ trăng, là bắt đầu tuần trăng sáng.

Tuần trăng sáng kia dài đến đúng đêm 10 rằm trăng náu (đáo : đủ). Mười sáu trăng treo (chiêu : sáng sủa). Mười bảy trải giường chiếu (rủ giường chiếu). Mười tám giương cạm (trương : xếp đặt, chẩm : cái gối). Mười chín bịn rịn (bị : áo ngủ đắp trùm, rị : tối). Hai mươi giấc tốt (ngủ ngon). Hai mốt nữa đêm (mới có trăng).

Từ 22 lại vào tuần không trăng, (22 – 30) nên không cần tính nữa.

Cái hoa 14 cánh ở trung tâm không phải là hình mặt trăng hay mặt trời của bộ lạc thờ những tinh thể ấy, đó là hình vẽ để đếm đêm và ngày.

Đêm là khoảng cách nằm giữa mỗi 2 ngày, trong cả tháng 29 ngày. Tổng số khoảng cách ấy là 28 nếu là tháng thiếu, 29 nếu là tháng đủ.

Cái hoa 14 cánh, đếm hết vòng thứ nhất từ 1 đến đêm trăng tròn (15, đêm rằm) và đếm vòng thứ 2 nữa, từ 16, thì lại trở về đêm không trăng (đêm 30).

Bắt đầu đếm từ đâu ?

Tìm ra đầu mối là vấn đề quan trọng. Chỉ có 1 điểm trong cả vòng tròn để dùng khởi đầu cuộc đếm. Ấy là điểm chỉ vào đêm 30 không trăng.

Ta biết rằng vào đầu tháng có 6 đêm không trăng.

Vậy điểm khởi đầu để xem lịch phải nằm ở đuôi con gà cuối cùng trong dòng 6 con.

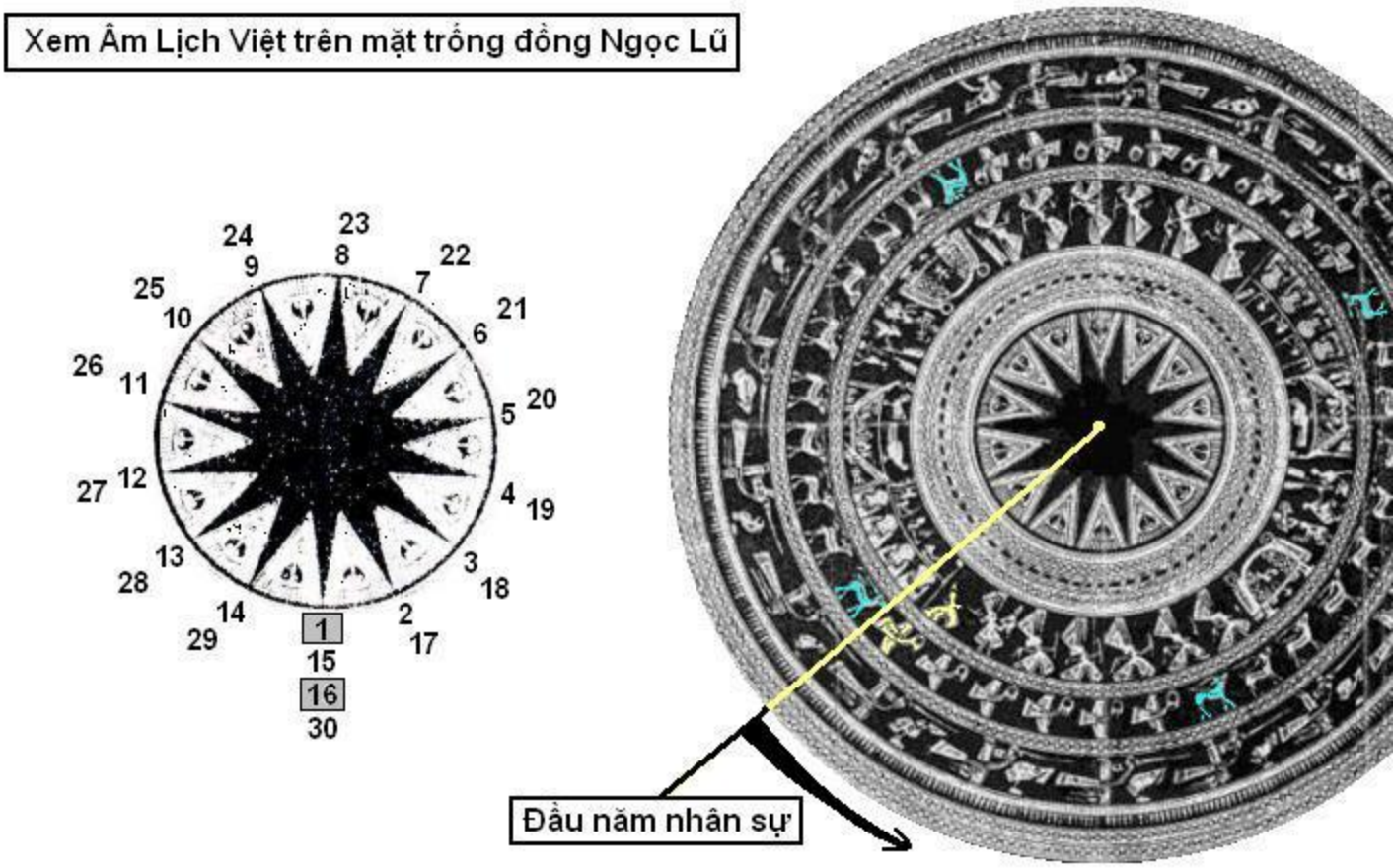

Thực hành việc ghi lịch và xem lịch :

Người ta có thể dùng một chất màu (son phấn, mực đen) mà bôi lên hình của mỗi cánh hoa khi có 1 đêm qua. Chẳng hạn đến cánh thứ tư mà vòng ngoài chưa có gì cả thì đó là đêm mồng 4 tháng giêng năm đầu của chu kỳ. Nếu vòng ngoài đã có 3 hình người tượng trưng cho tháng và vòng ngoài cũng đã có 6 con chim bị bôi rồi thì đó là đêm mồng 4 tháng tư năm thứ 7 của chu kỳ.

Người tù trưởng có thể lấy năm đầu của mình chấp chưởng quyền lãnh đạo làm năm đầu chu kỳ. Khi nhìn vào lịch thì biết rõ mình đã cai trị được bao nhiêu năm.

Con vật nhỏ theo sau mỗi con *CHIM THỜI GIAN* của một năm là để dành ghi năm nhuận 13 tháng. Cứ 5 năm thì bôi màu đánh dấu vào hai con vật nhỏ ấy, để hết tháng sáu nữa mới bôi vào tháng 6.

(Việc làm có vẻ mất công. Như ngày nay, mỗi ngày người ta cũng phải bóc một tờ lịch, và nếu lịch tháng thì mỗi ngày cũng phải lấy bút đánh dấu để hết tháng thì xé một tờ).

Quyển Âm Lịch dùng cho nhiều năm :

Như vậy, ta thấy quyển lịch này dùng được cho nhiều năm và chúng tôi nghĩ rằng ngay cả bây giờ vẫn dùng được, để có thể mệnh danh là Nguyệt Lịch Vạn Niên.

Làm sao biết chính xác năm nào nhuận vào tháng nào ?

Điều ấy chưa có tài liệu nào khác để hiểu thêm. Có lẽ người xưa đã dùng lối chiêm nghiệm về khí tiết trong nhiều năm, nhiều chu kỳ, thấy có diễn biến trở lại như cũ mà bồi bổ dần cho sự hiểu biết chăng ?

Biết đúng tháng nào đủ, thiếu , hoặc hai ba tháng đủ liền, hai ba tháng thiếu liền, và nhất định vào đâu trong năm, tất cũng do chiêm nghiệm.

Hoặc còn một dụng cụ để ghi nhớ nào khác, trên một mặt trống khác, hay một vật nào khác mà ngày nay chưa tìm ra ?

Điều ta có thể biết chắc được là người xưa đã quan sát tinh tế rồi chiêm nghiệm trước, sau mới tính toán, để lại chiêm nghiệm nữa, mà kiểm điểm những tính toán kia.

Sách Xuân Thu Tả Truyện có chép rằng : mùa đông tháng 12 (Năm Ai Công thứ XII) có châu chấu phá hoại. Quý Tôn hỏi Khổng Tử, ông đáp : "Tôi nghe rằng: chiều mà không thấy sao hoả nữa thì côn trùng ẩn phục hết. Nay sao hoả vẫn còn thấy chuyển vận về phía Tây, chắc các nhà làm lịch đã lầm". Ý nói theo lịch Trung Hoa là tháng chạp. Đáng lý ra thì sao hoả không còn thấy được vào buổi chiều. Sâu bọ phải ẩn phục hết rồi vì lạnh. Thế mà nay sao hoả vẫn còn thấy hiện, côn trùng còn phá phách, như vậy các nhà làm lịch Trung Hoa thời ấy đã lầm, đáng lẽ phải có tháng nhuận nữa mới phải.

Đó chính là thể thức và phương pháp làm lịch chung cho cả mọi giống dân trên thế giới, mà quyển lịch trên mặt trống đồng Ngọc Lũ đã có sẵn những gì để phòng hờ chỗ ghi năm dư tháng nhuận, thì trước khi nó hiện ra là một bảng lập thành, **dòng dõi các tù trưởng Giao Chỉ không phải chỉ chừng năm ba thế hệ**. Chúng ta có thể đoán không sợ sai lầm là ít nhất cũng phải mươi cái chu kỳ 180 năm (tức ít nhất là 1800 năm cho đến khi cái trống Ngọc Lũ đầu tiên được đúc), còn hơn nữa thì không dám biết.

Những kết quả chiêm tinh lịch số riêng :

Vâng, riêng của dòng tù trưởng Giao Chỉ. Đây là những bằng chứng hùng hồn nhất cho biết đích xác hồi đầu lịch sử, giống dân Giao Chỉ ở gốc tổ sống mà chẳng dính dáng gì về văn hoá với giống người Trung Hoa.

Người Trung Hoa cho rằng nền thiên văn của họ bắt đầu với Phục Hi, khoảng 2850 năm trước kỷ nguyên Tây lịch. Đến đời Hoàng Đế (2657 – 2557) ta đã thấy họ dùng cách tính năm tháng theo chu kỳ lục thập hoa giáp (chu kỳ 12 năm). Hán thư Nghệ Văn Chí có ghi : "Hoàng Đế ngũ gia lịch tam thập quyển". Cháu ba đời Hoàng Đế là Chuyên Húc (2545 – 2485) rất có nhiều về thiên văn. Trúc Thư Ký Niên viết : Sau khi lên ngôi được 13 năm, vua bắt đầu làm lịch số, và tính toán vị trí các sao trên trời. Xuân Thu Tả Truyện cũng ghi nhận rằng đời vua Chuyên Húc đã có những quan coi về lịch, về nhị phân (xuân phân, thu phân) và nhị chí (đông chí, hạ chí) và đoán được các ngày đầu mùa (Xuân Thu Chiêu Công năm XVII). Đời vua Nghiêu (2356-2255) đã biết vị trí nhị thập bát tú, nhật nguyệt ngũ tinh, đã định năm là **365** ngày, đã biết đặt tháng nhuận.

Riêng dòng tù trưởng Giao Chỉ, một mình hùng cứ một cõi trời nam, thì tính năm **354** ngày với 6 tháng đủ, 6 tháng thiếu trong một năm, cho đúng với tuần trăng và khí tiết, mà đến ngày nay, âm lịch từ Trung Hoa in đem qua bán, cũng tính theo như thế. Nếu cần tính sổ vay mượn, thì có lẽ người Trung Hoa đã thiếu nợ của ta vậy.

Lịch in vào sách và lịch khắc trên mặt trống :

"Hoàng Đế ngũ gia lịch tam thập tam quyển". Thật đã rõ: người Trung Hoa in lịch trên sách và lịch 365 ngày. Người giao Chỉ khắc lịch vào mặt trống đồng và lịch 354 ngày. Người Trung Hoa dùng Thiên Can, Địa Chi tính năm tháng ngày theo chu kỳ thập lục hoa giáp. Người Giao Chỉ tính chu kỳ 18 năm và những bội số của 18 ấy. Tỉ như 180 là gồm 3 lần lục thập hoa giáp (180=3x60) . Kết quả vẫn như nhau vậy .

Riêng việc có một sáng kiến sắp xếp ngày tháng năm của quyển lịch cho tiện dụng hàng vạn năm thì đã thật là một sáng chế không kém cõi về khoa học, hợp lý, nhất là khi chúng ta được biết chưa thấy dẫn nước nào có một quyển lịch như vậy (Âm lịch hay Dương lịch).

Đi sâu vào chi tiết :

Hướng tiến chung :

Tất cả các hình vẽ chim, gà, hươu, người, đều tiến theo một hướng trong vòng tròn, từ trái qua phải, thuận theo chiều quay của Trái Đất đối với người quan sát, day mặt về hướng Bắc (***ngược chiều quay của kim đồng hồ***).

Bởi lịch này là nguyệt lịch nên đặt tất cả theo chiều quay chung ấy.

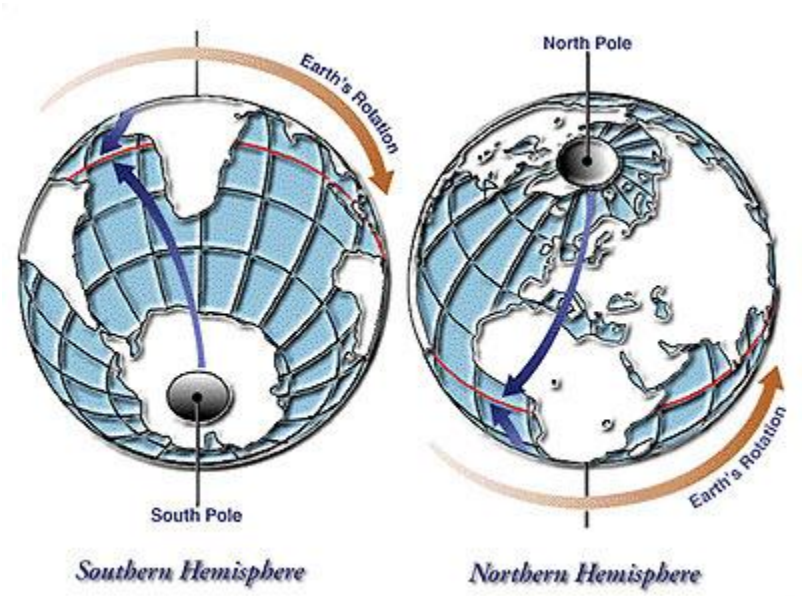

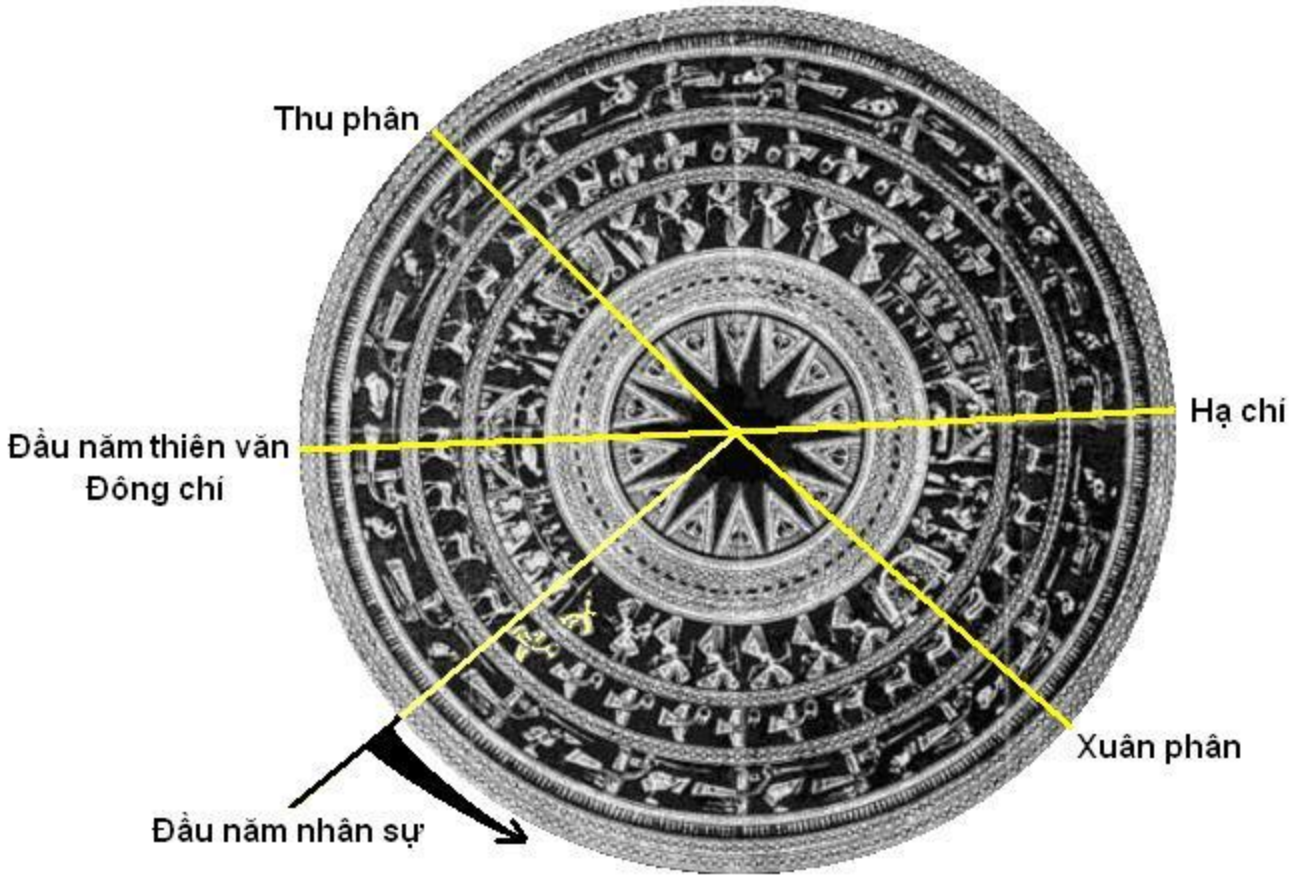

Phương tí ngọ :

Đặt đúng khởi điểm của lịch ở cuối con gà trong dòng 6 con như đã nói, thì phương tí ngọ (bắc nam) chếch qua tia cuối bên tay trái của 14 tia ở trung tâm. Ấy là tiết đông chí nhất dương sinh, ngày đầu năm thiến văn, các loại vật đông miên bừng tỉnh dậy và mầm của cây cối cũng bắt đầu đội vỏ đâm lên.Ta gặp trên đường thẳng vạch từ trung tâm ra vòng thứ nhất, hình vẽ của những gì như người ở trong nhà sàn vừa tỉnh dậy.

Còn kéo thẳng đường ấy ngược lên phái Nam , là thái dương cư ngọ, ấy là ngày hạ chí, trời nóng nực. Ta gặp hình vẽ của những gì như người làm việc đồng án vắng nhà.

Phương mẹo dậu :

Từ Tây sang Đông hới chếch lên, không vuông góc với Nam Bắc, ta gặp ở 2 đầu trên đường thẳng vạch tại vòng tròn thứ nhất, hai cái hình giống nhau, cùng khum tròn với 2 cột 2 bên, ở giữa một bệ như bệ thờ. Ấy là Xuân phân, Thu phân, khí trời mát mẻ, mọi người phải lo làm việc tế lễ.

Bốn ngày thuộc nhị phân nhị chí này chính là 4 cái mốc thời gian cho người ta căn cứ để làm lịch.

(Tóm lượt đoạn viết về ghi chú trong sách Vân Đài Loại Ngữ của Lê Quý Đôn : Không những bóng mặt trời khác ở những ngày nhị phân nhị chí, cả ngày dài ngày ngắn cũng khác nhau. Cả mặt trời mọc, lặn của những ngày nhị phân nhị chí cũng vào những thời khắc khác nhau).

Chúng ta không còn những dụng cụ của người Giao Chỉ đã dùng để đo thời gian, nhưng chắc chắn phải có, thì khi chiêm nghiệm mới biết được có những gì khác nhị phân nhĩ chí, để người ta dùng nó như những cái mốc thời gian mà làm lịch.

Phương tí ngọ và phương mão dậu với chòm sao bắt đẩu :

Trên mặt trống đã có những phương Bắc Nam Đông Tây như vừa nói, thì trống tất nhiên phải được đặt theo phương hướng ấy trước mặt tù trưởng.

Do đó ***ngoài công dụng làm lịch, trống còn là một địa bàn cho một bộ tộc***, khi đã định cư, để tìm ra phương hướng đi và về trung tâm định cư của mình, dù bằng đường thuỷ hay đường bộ.

Trên hình thuyền, ở tang trống, có vẽ cái trống không thể hiểu là phẩm vật đem bán vì chỉ có một cái và lại đặt như thế. Đó là " cái bàn biết phương hướng "đi về. Người đứng trên cầm cái gì như cung tên nhưng không nhắm để bắn gì cả, đó là công cụ xem sao mà xoay hướng thuyền.

Hình thuyền trên thân trống đồng Ngọc Lũ.

Các hướng Đông Tây được ước định theo chiều xoay của kim đồng hồ. Đó là khi người ta quan niệm Trái Đất đứng yên một chỗ, chỉ mặt trời mọc đằng Đông , lặn đằng Tây.

Nhưng khi người ta chiêm nghiệm và quan niệm Mặt Trời đứng nguyên vị và Trái Đất chạy xung quanh Mặt Trời theo quỹ đạo thực của nó, thì phương hướng lại được ước định như sau :

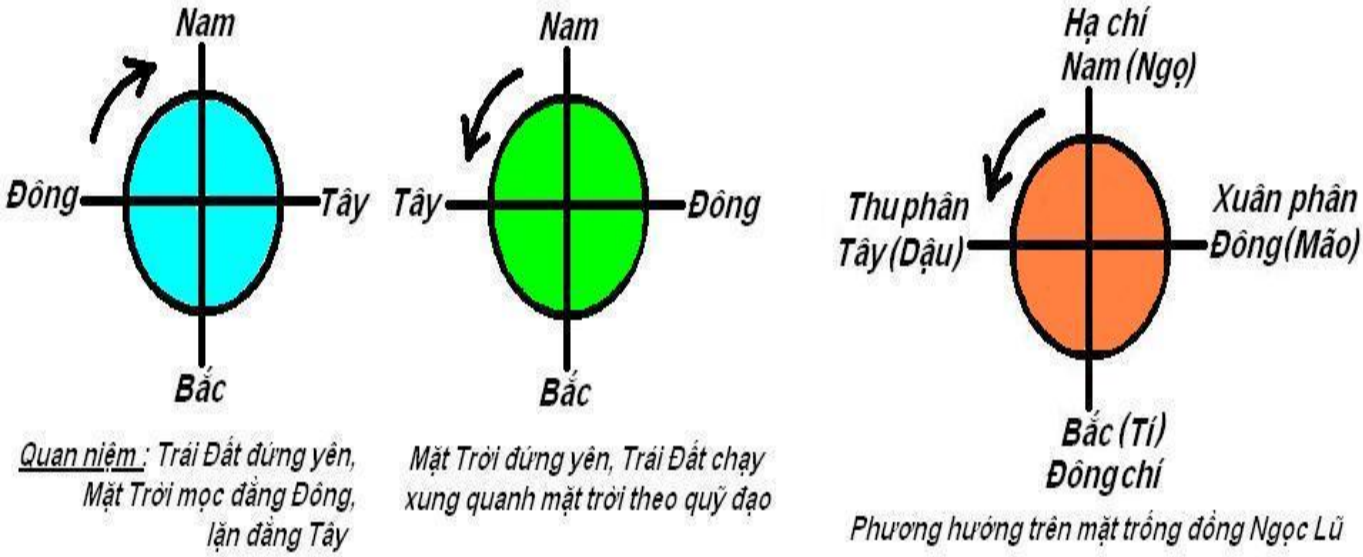

Vì vậy, trên mặt trống đồng ta thấy :

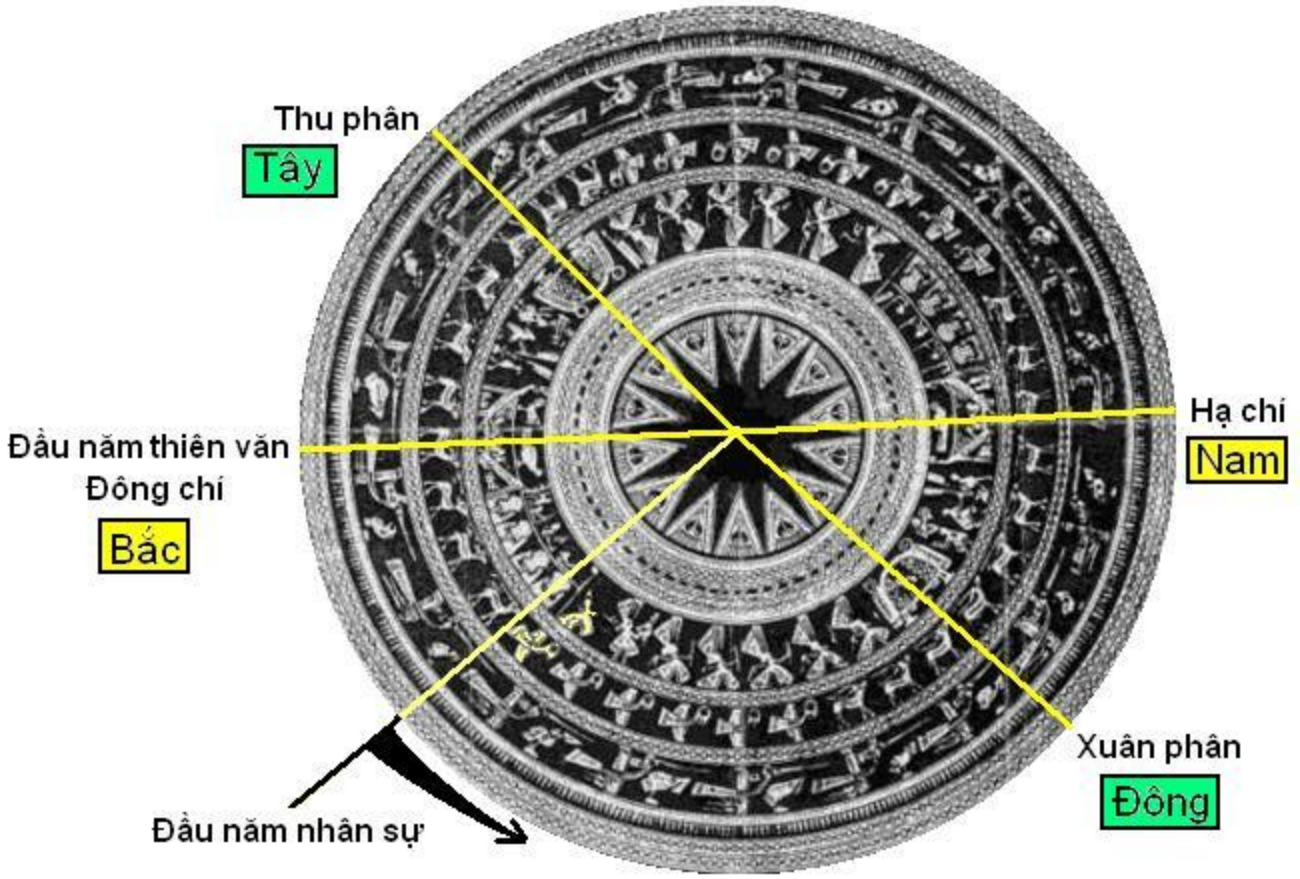

Vấn đề hướng Đông Tây, theo sử gia Hy Lạp Hérodote, ở thế kỷ V trước CN, khi tiếp xúc với các tu sĩ Ai Cập, ông được các vị này cho biết trải qua 341 thế hệ thiên vương Ai Cập (tính ra 11 ngàn năm) đã có 4 lần mặt trời mọc và lặn ở phương khác nhau. 2 lần nó đã mọc ở phía nó lặn bây giờ và 2 lần nó đã lặn ở phía nó mọc bây giờ.

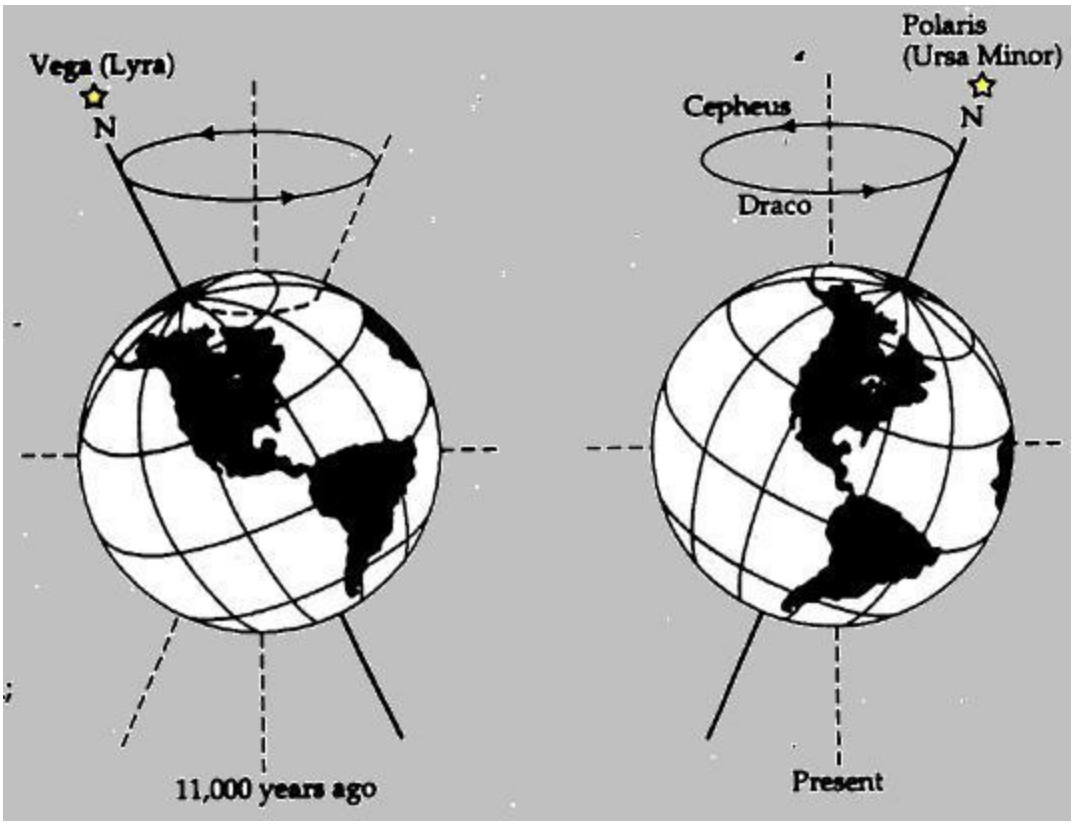

Nhà học giả Nga Immanuel Velikovsky khi dẫn điều ấy trong sách "Tinh Cầu va chạm" (Modes en collision) còn nhắc thêm nhiều cổ tự Ai Cập khắc trên lá giấy papyrus nói về sự lộn ngược của Trái Đất hồi 2 thiên niên kỷ trước Tây lịch, không thể cho là mơ hồ được những lời như : Harakhte (mặt trời chiều) mọc ở phương Tây. Ông lại dẫn thêm những chữ khắc trong các kim tự tháp : "Mặt Trời đã thôi ở phương Tây và bắt đầu chói sáng ở phương Đông". Sau khi có hiện tượng đảo ngược phương hướng ấy, thì danh từ phương Tây và mặt trời mọc đã không còn đồng nghĩa với nhau nữa, mà người đời đã phải nói thêm để xác định : l'Quest, qui est à l'Occident (phương Tây là ở về phương Tây).

Theo luận cứ của tác giả thì đó là kết quả của hiện tượng lộn ngược trục xoay của Trái Đất. Chúng tôi chưa dám tin là đúng như vậy, bởi vì đúng như vậy thì kể từ ngày đổi phương hướng Đông Tây ấy, mà chữ khắc trong kim tự tháp ghi nhận, và đây mặt trống vẽ ra khi chưa đổi phương hướng, người ta tất phải chiếu theo để ước định rằng quan niệm và chiêm nghiệm này có tuổi thọ xưa hơn quan niệm và chiêm nghiệm ghi trong kim tự tháp.

Quan sát mặt trăng và thuỷ triều :

Tù trưởng cần biết đích xác thuỷ triều lên xuống để chỉ dẫn dân chúng làm ruộng hay ra khơi. Cho nên ông cần ngồi đồng hướng mới nghiên cứu được mặt trăng và con nước.

Kinh nghiệm không sai dạy từ xưa đã cho biết rằng :

· Mặt trăng đến phương Mão Dậu thì thuỷ triều dâng lên ở phía Đông, Tây. Mặt trăng đến phương Tí Ngọ thì thuỷ triều dâng lên ở phía Bắc, Nam .

· Từ mồng một đến ngày rằm, con nước thường chậm một đêm. Từ ngày rằm đến ngày mồng một, con nước thường chậm một ngày. Trước và sau ngày mồng một và ngày rằm, mặt trăng đi mau hơn, cho nên 3 ngày trước cuối tháng thì con nước thượng thế lớn hơn.

· Ba ngày sau ngày mồng một, con nước đương thế to tát. Trong ngày rằm con nước cũng như thế. Trong thời trăng lưỡi liềm, mặt trăng đi hơi chậm, cho nên con nước lên xuống hơi kém.

· Trong một tháng, con nước lên mạnh sau ngày mồng một và ngày rằm.

· Trong một năm, con nước lên mạnh vào giữa mùa xuân và mùa thu.

· Con nước ban ngày trong mùa hạ thì to ……

Đó là những chiêm nghiệm của người ở hải khẩu vùng sông Mã, người ở Phong Châu trong đất liền sợ không có chiêm nghiệm ấy.

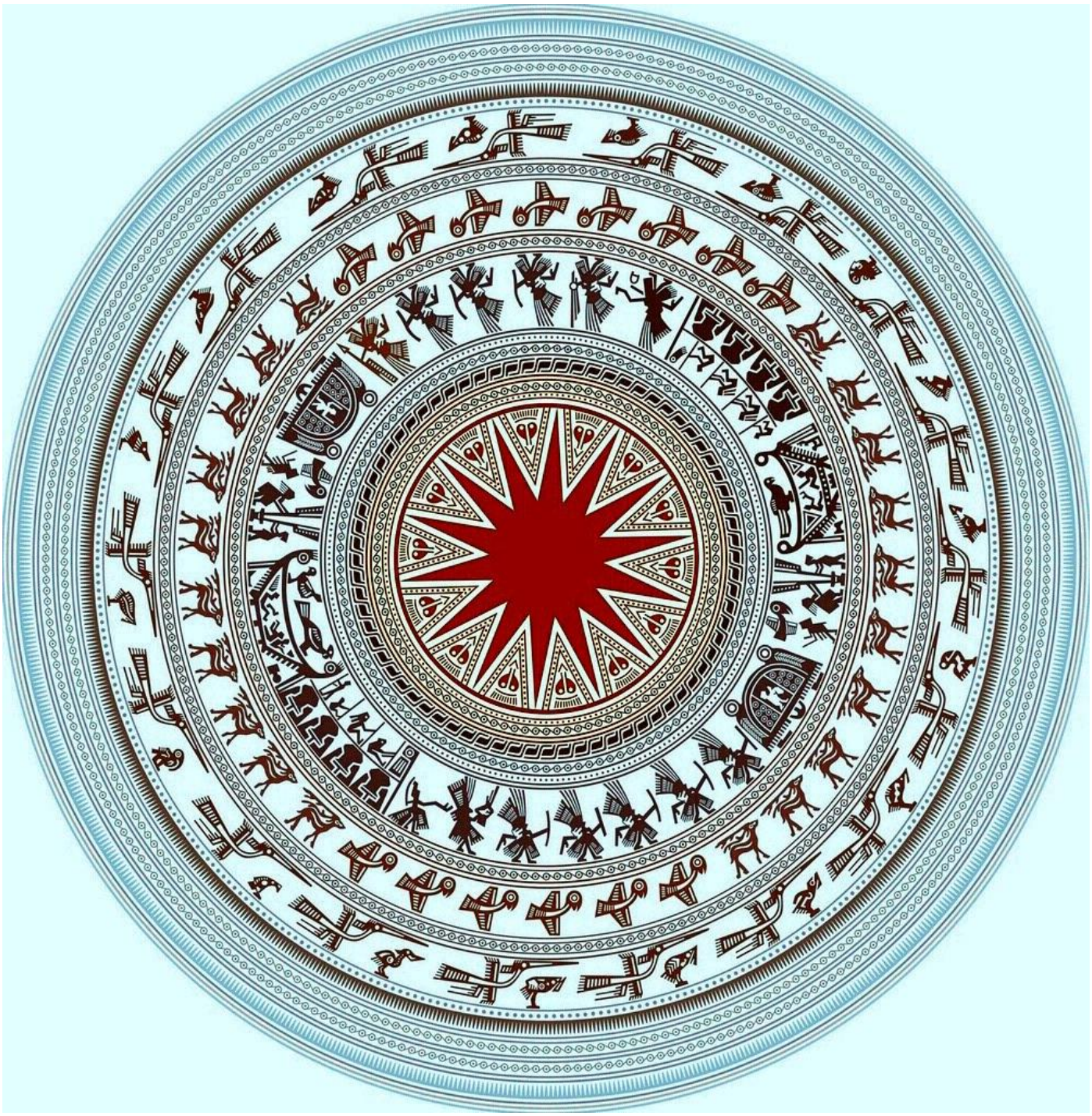

Con chim thời gian :

Trên mặt trống ở vòng ngoài cùng, kể như vòm không gian, ta thấy vẽ những con chim mỏ dài cánh lớn đang bay. Không phải là chim vật tổ, mà đó là biểu tượng của một năm qua, do người ta quan sát thấy con chim ấy bay vút ngang trời vào mùa này năm ngoái, thì năm nay cũng mùa này, cỡ ngày này lại thấy nó bay.

Chu kù 18 con chim :

Tức là đã có chu kỳ 18 năm. Sở dĩ chỉ có 18 không hơn không kém số ấy là vì người ta dựa theo thang biểu 9 năm trước để tính ngày nguyệt sóc 9 năm sau.

Sách Vân Đài loại ngữ của Lê Quý Đôn có chép định thứ tính lịch như sau :

Ngày mồng một của mỗi tháng vốn từ xưa đã có phép tắc.

Quy định ngày ấy của 9 năm trước đem dùng lại để quy định ngày ấy của 9 năm sau.

Gặp ngày ấy của tháng đủ ở 9 năm trước thì đếm liên tục từ can cũ của ngày ấy đến can thứ năm, từ chi cũ của ngày ấy đến chi thứ chín (theo số lẻ, để định can chi cho ngày ấy tháng ấy của chín năm sau).

Gặp ngày ấy của tháng thiếu ở 9 năm trước cũng đếm như thế, nhưng dùng can thứ 4, chi thứ 8 (theo số chẵn để định can chi cho ngày ấy tháng ấy ở chín năm sau).

Gặp năm thứ 36 = 6x6 = 18x2 của chu kỳ thì nên lưu ý suy tính cho kỹ. Phải tính xem trong vòng 36 năm ấy có bao nhiêu số lẻ thuộc về tiết Hàn lộ. Rồi ông lấy thành quả ấy để quy định ngày Lập Xuân của năm mới này.

Nếu tính toán theo căn bản đó thì không sai lầm.

Bốn mươi bảy năm về trước có nhuận vào tháng nào thì nay phải gia thêm 2 tháng để tính tháng nhuận. Giảm tăng như thế thì không sai vào đâu được.

Tất cả các phép tính trên đây có thể có bàn tay mà tính ra được.

Ví dụ :

Giả như năm Mậu Tý, tháng giêng là tháng thiếu, ngày mồng một là ngày Ất Dậu, can ất đến can thứ tư là Mậu, chi Dậu đến chi thứ tám là Thìn. 9 năm sau là năm Bính Thân, tháng giêng ngày mồng một là ngày Mậu Thìn.

Giả như năm Mậu Tý, tháng hai là tháng đủ, ngày mồng một là ngày Giáp Dần. Can giáp đến can thứ năm là can Mậu, chi dần đến chi thứ chín là chi Tuất, 9 năm sau là năm Bính Thân, tháng 2 ngày mồng một là ngày Mậu Tuất.

Cũng trong Vân Đài loại ngữ của Lê Quý Đôn còn có bí quyết tính ngày mồng một và ngày rằm như sau :

Mồng một tháng giêng của 9 năm trước là ngày Thìn.

Ngày rằm tháng hai của 9 năm sau cũng là ngày Thìn.

Mồng một thàng hai của 9 năm trước là ngày Thìn.

Ngày rằm tháng hai của 9 năm sau cũng là ngày Thìn.

Chúng ta chưa biết rõ người Giao Chỉ khi quan niệm lịch với chu kỳ 18 năm đã gọi tên tháng như thế nào, và đã những số can chi gọi bằng những tên nào khác để tính ngày ra sao. Nhưng hẳn đã phải có thì đời sau mới noi theo bí quyết cũ mà làm những bài thơ đặt công thức cho người làm lịch. Cả những kết quả chiêm nghiệm về khí tiết, tháng nhuận., ngày Lập Xuân,… hẳn cũng đã phải có để người đời sau chỉ tuân theo thôi.

Sáu con gà và tám con gà :

Sách "Đại Nam Nhất Thống Chí" đã dẫn lời sách Hoàn Vũ ký mà cho biết rằng : ở Ái Châu về huyện Di Phong có giống gà gọi là Trào Kê, khi tới kỳ nước triều lên thì gáy để báo tin. Sách ấy cũng có nói tới một giống gà khác ở mạng thượng du là Cẩm Kê, lông có nhiều sắc xanh đỏ trắng xen lẫn như nền gấm.

Trên mặt trống, có thể chắc được là người ta vẽ hình con Trào Kê, một đặc sản địa phương có linh tính hữu ích cho cuộc sống, lại có liên hệ tới công dụng của trống về sự quan sát thuỷ triều.

Nhưng tại sao lại vẽ sáu con gà sau ngày mồng một và ngày rằm. Trong khi theo kinh nghiệm chỉ 3 ngày trước và 3 ngày sau những ngày ấy thì con nước mới ở thế lớn hơn ? Và tại sao lại vẽ tám con gà bên kia vòng tròn, sau và trước 10 con hươu ?

Phải chăng để nói về 6 đêm đầu tháng và 8 đêm cuối tháng không trăng, không nên tổ chức đi săn đêm?

Mười con hươu lại 10 con hươu :

Hươu vẽ ở đây là hươu sao, có đốm lông trên mình, và vẽ thành từng cặp : đực đi trước, cái đi sau, tất cả đều có sừng. Đó là con vật có tên là lộc, hay ở núi cao, tiết Hạ Chí rụng sừng (khác hẳn với nai, chỉ con đực có sừng và hay ở hốc núi nên tiết Đông Chí rụng sừng).

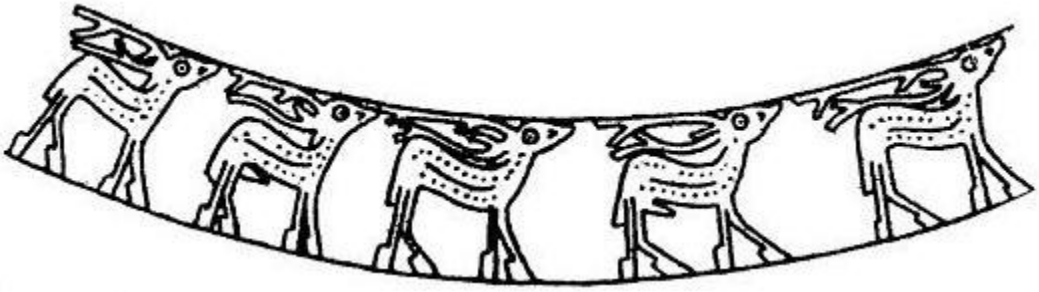

Theo tục truyền thì hươu thuộc loài tiên thú, 60 năm ắt có ngọc quỳnh, ở gốc sừng có dấu tích lấm chấm sắc tím. Do đó cổ ngữ nói con hươu có ngọc nên sứng văn, con cá có châu nên vảy tím. Đặc biệt hơn là hươu trắng, người xưa coi hươu trắng xuất hiện là một điềm may. Cho nên hễ bắt được nó thì người ta dâng về cho vua và sẽ được thưởng.

Theo tài liệu của sách sử và địa lý cũ, chỉ Thanh Hoá có nhiều loài này. Vùng phía Bắc từ Ninh Bình trở ra thì hiếm dần. Vùng phái Nam cũng vậy. Từ đèo Hải Vân trở vào thì không thấy nữa, chỉ có nai thôi.

Điều đáng nói ở đây là người ta vốn biết tánh con hươu hay dâm, một con cái thường giao cấu với vài con đực. Vậy mà trên mặt trống người ta vẽ cặp nào cặp ấy, không lộn xộn, con đực đi trước, con cái đi sau. Người ta muốn sắp xếp đời sống vợ chồng của chúng nó vào khuôn khổ luân lý ? Hoặc đó là dấu hiệu để nói lên cuộc sống định cư, chấm dứt thời kỳ thị tộc mẫu hệ ?

Riêng việc vì sao vẽ 10 con hươu, theo ý chúng tôi phỏng đoán có lẽ con số 10 chỉ là con số toàn vẹn, để nói rằng nhiều lắm, đầy đủ lắm, mà người đi săn đêm sẽ gặp vào đêm trăng sáng ?

Vòng sinh hoạt của người :

Vòng này quan trọng hơn, tiết rằng việc nghiên cứu của chúng tôi bị hạn chế, vì ngại rằng người vẽ có thể đã theo định kiến cũ về người lên đồng, ca múa cầu thần linh, không lưu ý đến những ý nghĩa tượng trưng của các hình vẽ, khiến có thể đã bỏ sót những chi tiết có ích chăng ?

Tiết đông chí :

Ta gặp trên đường bán kính từ trung tâm bông hoa kéo ra, hình vẽ cái nhà sàn, có hai vợ chồng con chim trên nóc mái, và trong nhà có ba người đang nằm vừa ngồi nhỏm dậy. Góc phải của nhà sàn ở mặt đất có cái gì như cái cối đặt nằm nghiêng. Góc trái có đứa nhỏ gõ vào cái gì như cái trống con, có vẻ để báo thức.

Ta hiểu rằng trải qua một mùa đông, các loài vật đông miên ngủ vùi đến ngày đông chí mới tỉnh dậy, mầm mộng của các loài hoa lá trên cành cũng đến ngày ấy mới "ngồi dậy". Cả đến cái cối nằm ngủ mãi có lẽ cũng sắp được dựng dậy để làm việc.

Tiết hạ chí :

Đối điểm của Đông chí bên kia vòng tròn, trên cùng đường kính là tiết hạ chí.

Ta gặp những cái nhà sàn ấy. Nhưng trên nóc mái chỉ có một con chim trống. Vợ nó đâu ? Vợ nó đương ở nhà ấp trứng. Do đó mùa hè phải đóng bè làm phúc, không được phá phách các tổ chim, bắt được chim còn phải phóng sinh nó đi, để nó về nuôi vợ con nó. Thương biết là bao nhiêu, truyền thống ấy còn mãi đến thế hệ chúng ta !

Trong nhà sàn ta thấy hai đứa nhỏ đối mặt nhau, tóc buông sau gáy, ngồi co dầu gối đặt hai bàn chân lên nhau và đưa hai bàn tay lên cao để úp vào nhau cho rơi cái gì như hai viên sỏi. Đúng là hai đứa trẻ đang vui chơi, Cha mẹ chúng đâu ? Cha mẹ chúng đi làm việc ngoài đồng áng.

Tháng tư đi tậu trâu bò.

Để ta sắm sửa làm mùa tháng năm.

Câu ca dao này về sau mới có. Nhưng thời dụng biểu của nhà nông trong hoàn cảnh địa lý, khí hậu, và điều kiện đất nước, để làm mùa, thì đã có ngay từ hồi đầu định cư. Hình vẽ đã nói lên thực rõ.

Bên dưới nhà sàn, góc phải, có cái cối đặt ngang và bên trái có một đứa trẻ ngửa mặt, tóc xoã sau lưng, đưa tay kéo một trục tròn có vẻ xoay được một trục đứng. Hình vẽ có nghĩa xoay và nặn đồ gốm chăng ? Còn cối đặt nằm nghiêng có nghĩa là bận việc đồng áng, nghỉ giã gạo chăng ?

Hội hè, gõ trống :

Tiếp theo nhà sàn nói về Đông chí và Hạ chí, đều có cảnh gõ trống và đều có 4 cái đặt úp trên bệ của nó trong 4 cái hố. Bệ là một chân đội một mặt tròn, như hình cái nấm, để trống úp đúng vào vành mặt ấy. Mặt ấy chắc là bằng gỗ, hẳng phải khoan thủng nhiều lỗ thì khi gõ, tiếng trống mới có lối thoát ra và vang đi xa. Nếu đúng như dự đoán thì tuỳ theo mặt tròn có nhiều hay ít lỗ, và lỗ lớn hay nhỏ của 4 cái khác nhau, mà âm thanh của cả 4 cái khi cùng gõ lên đã có thể trở thành một bản hòa tấu.

Theo hình vẽ thì trống đặt bên dưới nhà sàn, trong hố, không trông thấy. Người ngồi trên sàn gõ vào mặt trống. Như vậy ***trống để gõ đã không cùng loại với trống biểu tượng quyền uy của tù trưởng như trống Ngọc Lũ này***.

Bên cạnh nhà Hạ chí, cả bốn người gõ trống đều ngồi quay mặt theo hướng chung, riêng bên cạnh nhà Đông chí lại có một người đứng và quay lưng lại hướng chung ấy và một người ngồi đưa bàn chân để cho dùi trống không gõ xuống. Đó là hai điệu nhạc khác nhau của 2 dịp hội hè lớn khác nhau trong một năm.

Sửa soạn hội hè :

Người ta phải sửa soạn từ trước ngày Đông chí, bằng cách giã gạo để ủ lên men làm rượu, hoặc để làm bánh, nấu xôi.

Hình hai người giã chày đứng trong một cái cối ở trước hai nhà đông chí và hạ chí nói về việc ấy. Nhưng cảnh giã gạo bên hạ chí có vẻ thong thả, người đàn ông chếch một chân đạp vào chân cối.

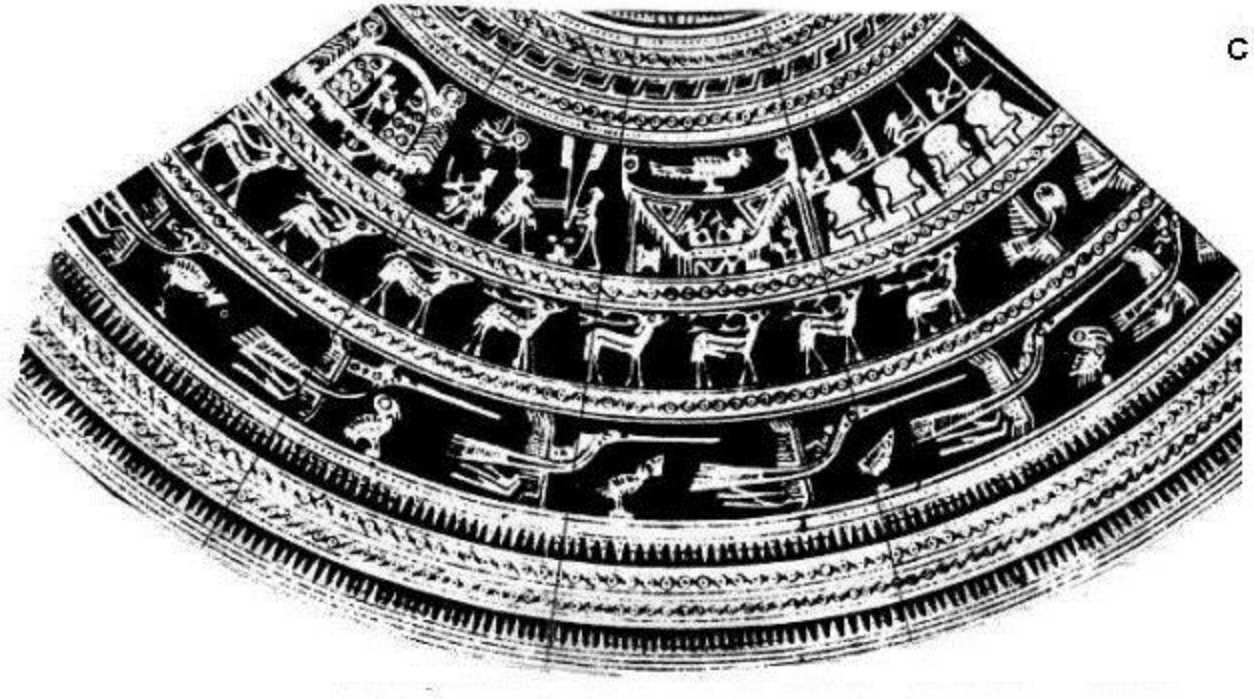

Còn bên đông chí thì vội vã hơn, người đàn ông đứng cả hai chân trên mặt đất và người đàn bà tóc xoã tay cầm chày giơ cao hơn.

Hình người và gà cạnh đó cũng khác nhau. Sau xuân phân, người cầm gậy quay mặt lại có vẻ là chăn dắt nuôi gà. Sau thu phân, người kiễng chân, không có gậy, có vẻ là nhảy để bắt gà. Đó là những việc phải làm để sửa soạn cho ngày lễ.

Xuân phân thu phân :

Trên cùng một đường kính vạch ngang hơi chếch lên đường Đông chí Hạ chí, là đường Xuân phân Thu phân, ta thấy 2 kiến tạo giống nhau, mái hình khum mui thuyền, gác trên hai trụ đứng cũng khum lại, trên đầu gọt tròn đều nhau, với hai vòng trang trí tròn, còn phiá chân cột có sàn bắt ngang, để hở ở dưới hai tảng kê hai bên với một vật gì như để chồng ở giữa.

Bên trong khung hình khum ấy, khoảng trống được vạch chia làm 3 phần, bên Xuân phân thì ở giữa hình chữ nhật vẽ một người đứng nghiêng, quay mặt theo hướng chung, tay cầm cuống một trái gì như trái bầu tròn. Hai phần tả hữu, một bên vẽ bảy vòng tròn, một bên vẽ tám, tất cả đều có một chấm ở giữa.

Nếu vòng tròn ấy là hình trái cây thì kiến tạo miếu thờ vị thần phù trợ cho cây cối sinh nhiều trái. Còn bên Thu phân thì vẽ hình người dang chân và dang tay lên trời, hai bên không có vòng tròn mà có 4,5 vết như lá tụng. Người vẽ tỏ ra rất hiện thực vậy.

(Có ý kiến cho rằng các vòng tròn có chấm là nhạc cụ còng, chiên; có ý kiến lại cho rằng đó là biểu tượng của hào âm hào dương; xem thêm bài " Dạng nguyên thuỷ của Âm Dương ")

Các vị Nguyệt thần :

Theo điểm khởi đầu năm nhân sự, ta thấy ban đầu có một vị thần nhỏ bé hơn cả, không có mũ, để dùng ghi tháng nhuận, rồi đến 6 vị để ghi sáu tháng đầu năm, đối diện với bên kia vòng tròn có 6 vị nữa để ghi sáu tháng cuối năm.

Vị nhỏ bé để ghi tháng nhuận, cánh cụp xuống, đầu không mũ, người nghiêng, tay cầm phách dang ngang theo tư thế ca vũ. Còn 12 vị đều là chim thần, không phải người hoá trang thành chim.

Người ta nhìn vội nên cho rằng người đội mũ lông cánh chim. Đó là một bên cánh mọc từ lưng ra, bị đầu che một đoạn, còn một bên cánh mọc từ ngực ra xoè xuống đất. Bởi nếu là đội mũ, thì có vị quay mặt đi, có vị quay mặt lại, sao mặt quay lại mà mũ lại không quay lại ?

Lông đuôi thì xoè về phía chân trước. Hai tay và hai chân thì ráp vào hai bên mình như người. Chim thần khác người và khác chim thường ở chổ ấy.

Việc dùng một con chim thần tiêu biểu cho một tháng chứng tỏ người xưa quan niệm thời gian qua mau. Nhưng khác với người phương Tây thần thánh hoá và nhân cách hoá thời gian thành hình một ông cụ có cánh, tay cầm lưỡi hái tượng trưng quyền lực huỷ hoại, không những thời gian chẳng giúp gì cho người mà còn thù nghịch với người nữa. Ở đây chim thần từng tháng đem những hướng dẫn đến cho người trong cuộc sống. Thời gian có cộng tác với người, là bạn là thầy của người.

Trừ vị thần dùng cho tháng nhuận (xen kẻ vào bất cứ tháng nào trong năm) đúng là có dáng điệu người ca vũ mềm mại và vui tươi, chân bước theo hướng tiến chung, hai tay cầm cái gì như phách để gõ nhịp cho bước chân, còn 12 vị thần khác thì mỗi vị cầm một đồ vật khác nhau để nói lên cái ý khuyên bảo người đời tháng ấy thì nên làm một việc nào với đồ dùng đó :

Tháng giêng : Đồ vật ở tháng giêng to lắm, thần phải ôm bằng hai tay đưa ra phái trước mặt, trong có vẻ như con cá. Có lẽ là tháng nên đi bắt cá. Về điểm này ta thấy tệ xưa có ghi rằng : Loài gấu chưa tế thú (vào mùa thu) thì không được chăn lưới ở cánh đồng , loài rái chưa tế cá (vào mùa đông) thì không được thả lưới vét xuống nước. Nay đã sang tháng giêng, vậy có thể đi bắt cá được.

Tháng hai : Đồ vật ở tháng hai là cây gậy thẳng, thần cầm bàn tay trái đưa ngang ra trước mặt, đầu trân của gậy uốn ra ngoài, đầu dưới uốn vào phái bụng. Tay phải của thần đưa về phía sau lưng cầm một trạc gậy trút xuống. Chân và mặt đưa ra theo hướng tiến chung. Có thể là con dao đi rừng để chặt những cành kho củi mục, việc nên làm vào tháng hai.

Tháng ba : Thần bước đi theo hướng tiếng chung nhưng mặt quay lại nhìn tay phải cầm trạc cây trúc xuống, tay trái cầm một cây gậy hơi cong với đầu to ở trên, đầu nhỏ ở dưới. Có vẻ thần khuyên người nên làm việc gì ngay trên mặt đất sau bước chân cảu mình, giao hạt giống chăng ?

Tháng tư : Thần có dáng điệu như vị ở tháng ba nhưng mình nghiêng hẳn về phía sau, đầu và mỏ cũng cuối thấp hơn, với mặt mở tròn to hơn. Nếu không có điệu cánh và chân bước theo

hướng chung thì có thể kể là thần đi ngược chiều được. Tay trái thần cũng cầm gậy thẳng nhưng ngắn hơn, tay phải cầm gậy trạc cây với gốc độ đẹp hơn. Có vẻ thần khuyên người săn sóc việc bắt sâu bọ.

Tháng năm : Mắt thần nhìn theo hướng tiến chung, thân hình ở tư thế đi bình thường, tay trái cầm gậy ngắn nhất, tay phải cầm trạc cây với một bên cụt hơn. Có vẻ như thần khuyên nghỉ tay.

Tháng sáu : Cũng vậy, có vẻ như tháng này và hai tháng nữa không thể làm việc đồng án được.

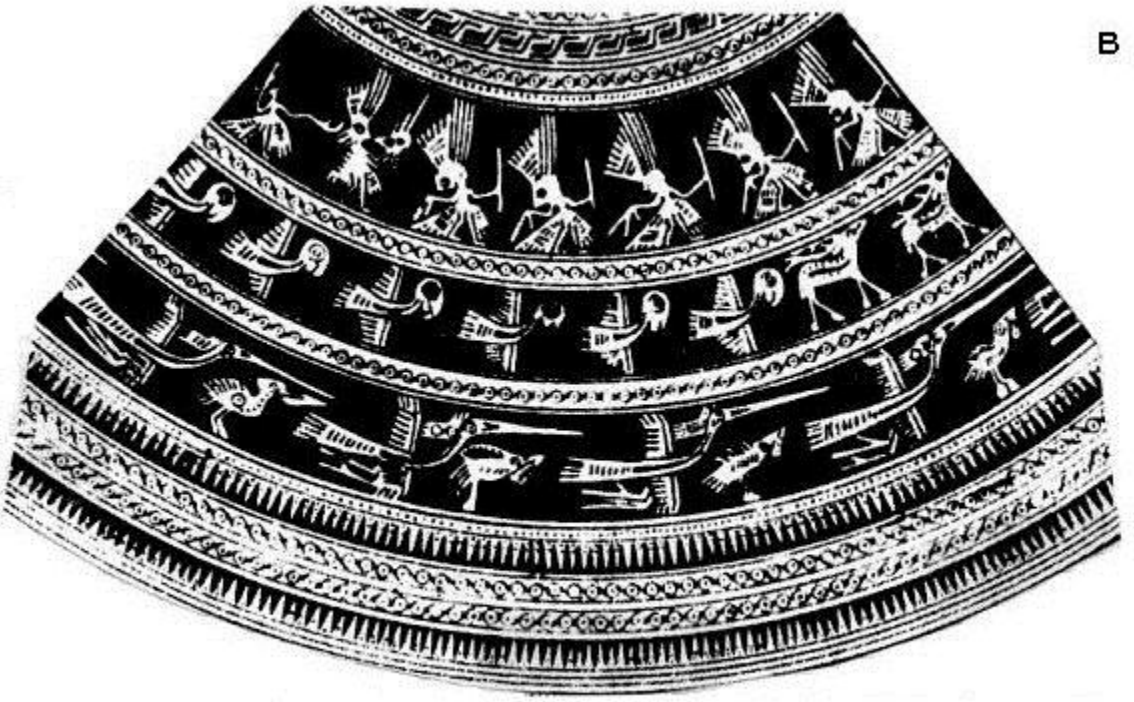

Tháng bảy : Thần quay mặt nhìn theo hướng chung, cầm trong tay vật gì như muỗng múc canh, có dấu tròn biểu tượng mắt chim ở ngoài, tay phải cầm cái gì như cái lồng bắt chim. Cả hai tày đều đưa về phái trước mặt. Có vẻ là tháng nên đi bắt chim. Vị này có thêm một đặt điểm : ở sau gáy nơi đầu cánh có một hình tam giác, giữa vẽ một hình tròn, chưa rõ ý nghĩa gì.

Tháng tám : Thần thổi loa ở miệng, loa dính với một vật tròn tia ra ba vạch lên trời, ba vạch xuống đất. Đó có vẻ là tiếng gọi vào rừng săn thú. Tháng tám trăng sáng nhất là tháng thích hợp nhất cho việc ấy.

Tháng chín : Thần cầm dao đi rừng như tháng hai nhưng đầu trên lại khoằm vào trước mặt, đầu dưới lại uốn khoằm ra, mặt và chân quay về hướng tiến chung. Có vẻ là vật để hái trái, má tháng này là tháng có nhiều trái cây chín.

Tháng mười : Thần vẫn cầm dao ấy ở tay trái như vậy nhưng mặt nhìn xuống đất sau bước chân với chạc cây hạ thấp xuống gần mặt đất. Có vẻ như thần muốn nói về việc gặt lúa.

Tháng mười một : Thần cầm gậy ngắn với trạc cây ngắn ở tư thế nghỉ ngơi và theo dáng đi bình thường (như tháng năm, tháng sáu đã nói). Có vẻ là tháng xong việc đồng án thì nghỉ ngơi.

Tháng chạp : Thần cầm vật gì giống như hình cái bàn chải đánh răng, dài bằng cả một bên cánh, dưới đầu cán có hình mũi tên chĩa nghiêng xuống mặt đất phía trước mặt. Ấy là hình tượng sự chít một lông cánh thời gian, để nói việc hết năm.

Những đặc tính của mỗi năm trong chu kỳ :

Chúng ta thấy mỗi con chim thời gian giống nhau bay ở vòng ngoài (theo chu kỳ 18 năm đã nói) đều có một con chim nhỏ ở dưới mỏ dài của nó, mà chim ấy thì không con nào giống con nào cả.

Cần phải là người đi rừng nhiều, trông hình vẽ mới tin chắc được rằng lịch 12 con giáp của Trung Hoa đã ít tuổi hơn lịch 18 con chim này nhiều lắm. Bởi lịch này cho thấy người ta mới định cư còn ở thời kỳ chưa nuôi được con lợn, con trâu, con mèo, chưa biết được con dê con ngựa là gì nữa.

(Doremon360 : Bạn hãy tham khảo bản đồ địa hình dưới đây để thấy việc ngập lục bán đảo Sunda và thềm lục địa Namhailand vào cuối kỷ băng hà đã dẫn đến sự di dân của cư dân đông Nam Á cổ vào các vùng đất cao, sự định cư mới mà tác giả nói ở trên có thể có mối liên hệ với sự kiện di cư từ nơi định cư củ sang nơi định cư mới).

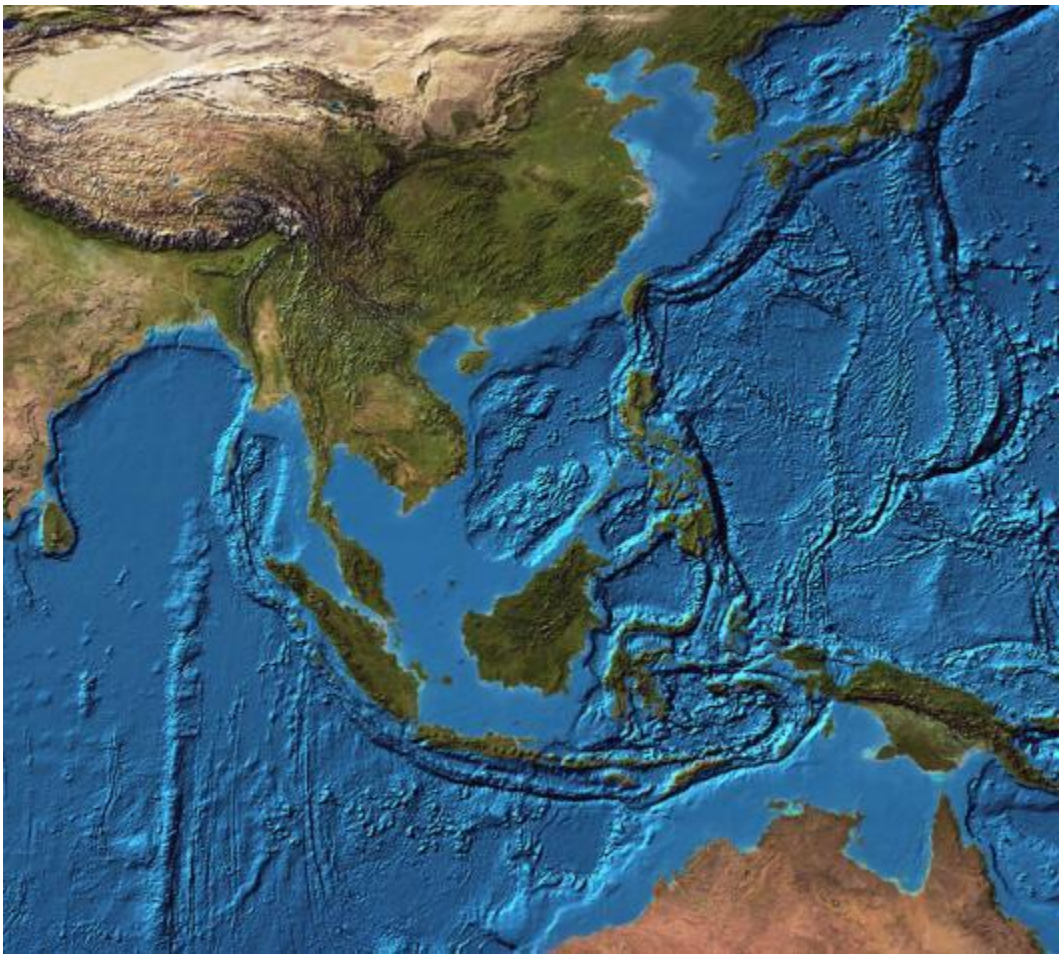

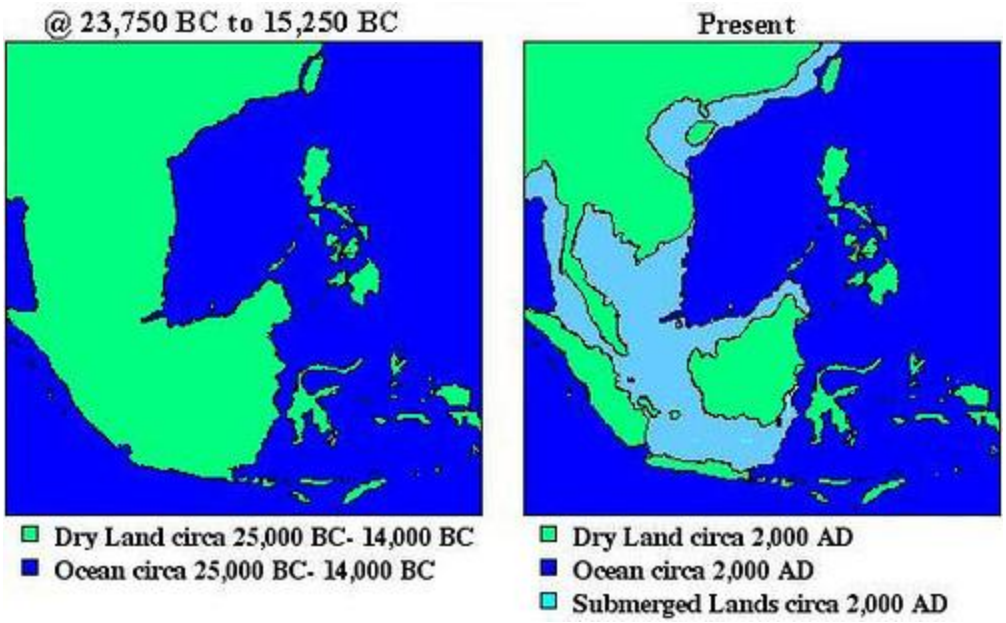

Còn đây là các bản đồ thể hiện sự di cư của con người từ xa xưa đến các vùng đất trên Thế Giới :

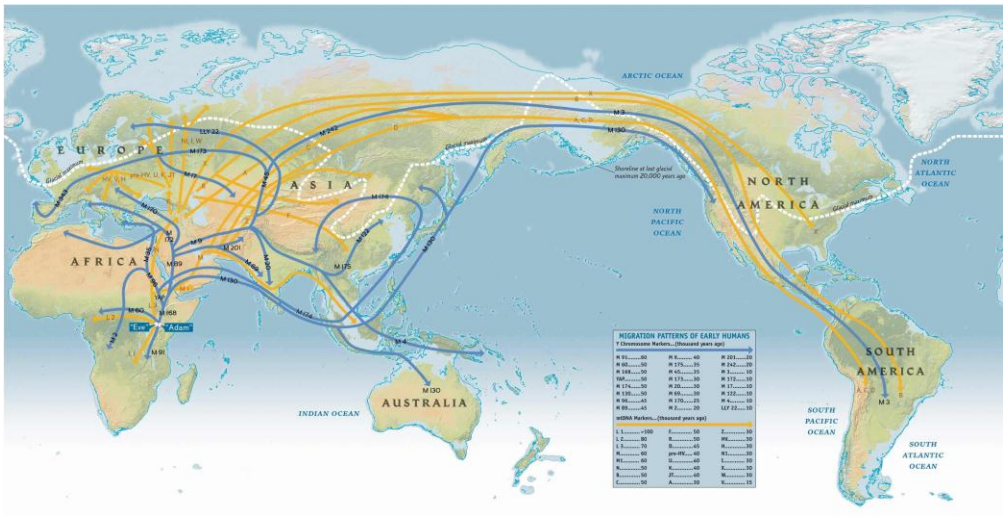

Migration patterns of early humans

Genographic Project

Kết luận :

Mặt trống đồng Ngọc Lũ quả đúng là một quyển lịch được sắp xếp và vẽ một cách thông minh. Trừ một vài chi tiết chưa hiểu rõ như đã nói, những nét chính của hình vẽ đã khiến ta chân thành khâm phục rằng: Với mức độ hiểu biết và tiến hoá của đời nay cũng chưa chắc có người bố trí nổi một bản ghi thời gian tài tình như thế.

Nguồn: Blog Doremon360

Xem thêm

- Đồ đồng cổ Đông Sơn
  Kim tư tháp Yonaguni trên thềm Nanhailand
  Dang thức nguyên thủy của Âm Dương

Nguồn: http://tusach.thuvienkhoahoc.com